



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 117/ĐHNT, ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo:

Tiếng Việt: **Quản lý thủy sản**

Tiếng Anh: Fisheries Management.

I.2. Tên ngành: Quản lý thủy sản

Mã số: 52620399

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm.

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)

I.8. Khoa/viện quản lý: Viện Khoa học và công nghệ khai thác thủy sản

I.9. Giới thiệu về chương trình:

Chương trình đào tạo kỹ sư Quản lý thủy sản bắt đầu tuyển sinh từ năm học 2013 - 2014, do yêu cầu cấp thiết đào tạo nguồn nhân lực cho công tác Quản lý nghề cá trên cả nước. Chương trình cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về chuỗi sản xuất nghề cá trong các lĩnh vực nuôi trồng và khai thác thủy sản; về thương mại và dịch vụ nghề cá; về quản lý và tư vấn chính sách nghề cá. Chương trình dành cho tất cả các đối tượng không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, có đủ sức khỏe để học tập và lao động trong ngành thủy sản, có nhu cầu nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn quản lý nghề cá; đồng thời đây cũng là cơ hội để người học có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Khai thác thủy sản, ngành Quản lý thủy sản.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

II.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo đại học Quản lý thủy sản cung cấp cho sinh viên môi trường học tập và rèn luyện để hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản và cần thiết nhằm đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý nghề cá, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành thủy sản trong chiến lược phát triển kinh tế biển.

II.2. Mục tiêu cụ thể: Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học Quản lý thủy sản có các phẩm chất, kiến thức và kỹ năng sau:

1. Có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp; pháp luật liên quan đến lĩnh vực nghề cá; ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và đủ sức khỏe để làm việc trong lĩnh vực thủy sản.

2. Hiểu biết các vấn đề về khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ nghề cá; nghề cá bền vững; chính sách nghề cá;



3. Có kỹ năng điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản, thống kê nghề cá; nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hoạt động nghề cá; tham gia xây dựng các chính sách trong lĩnh vực quản lý nghề cá; quản lý chuỗi cung ứng dịch vụ hậu cần nghề cá; tổ chức Thanh tra thủy; tham gia công tác Khuyến ngư, tư vấn dịch vụ nghề cá;

4. Đạt trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh và công nghệ thông tin đáp ứng hợp tác Quốc tế về nghề cá; Có kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết các vấn đề về lĩnh vực quản lý thủy sản.

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra:

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe:

Có lập trường chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp; hiểu biết về văn hóa - xã hội, pháp luật liên quan đến lĩnh vực nghề cá; có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và đủ sức khỏe để làm việc trong lĩnh vực thủy sản.

B. Kiến thức

B1. Hiểu và vận dụng hệ thống lý luận chính trị, nền tảng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và tin học để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và các vấn đề trong lĩnh vực thủy sản/nghề cá;

B2. Hiểu biết về môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, ngư trường – nguồn lợi thủy sản các vùng biển của Việt Nam; tàu thuyền nghề cá, công nghệ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; bảo quản và tiêu thụ sản phẩm thủy sản; chuỗi cung ứng các sản phẩm thủy sản; thương mại và dịch vụ hậu cần nghề cá;

B3. Hiểu biết các vấn đề về nghề cá bền vững; dịch bệnh thủy sản và vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản; quản lý kinh tế nghề cá, qui hoạch và chính sách nghề cá; bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản;

B4. Hiểu biết và có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn sau:

B4.1. Thống kê nghề cá; kiểm tra, theo dõi – kiểm tra - giám sát nghề cá; tham gia tư vấn/xây dựng các chính sách trong lĩnh vực quản lý nghề cá;

B4.2. Quản lý khai thác, tàu thuyền, dịch vụ hậu cần, môi trường và sản phẩm thủy sản, nguồn lợi thủy sản;

B4.3. Quản lý và thực thi chính sách và pháp luật về thủy sản; khuyến ngư và tư vấn dịch vụ nghề cá;

C. Kỹ năng

C1. Có tư duy sáng tạo và phân biện; biết giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp điện tử và đa truyền thông, biết cách thuyết trình trước cộng đồng; biết tổ chức tư vấn độc lập và làm việc nhóm trong đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng nghiên cứu, quản lý và giám sát nghề cá theo hướng bền vững;

C2. Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn;

C3. Hiểu biết và vận dụng giải quyết một số vấn đề đương đại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn: Quản lý nghề cá trong phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; tư vấn,

tham gia xây dựng các tiêu chuẩn ngành trong lĩnh vực quản lý nghề cá, xây dựng kế hoạch quản lý các hoạt động thủy sản, theo dõi – kiểm tra – giám sát tàu cá (MSC); thực thi công việc của thanh tra thủy sản, tham gia xây dựng, ứng dụng các mô hình quản lý nghề cá phù hợp trong phạm vi quản lý.

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sinh viên ngành Quản lý thủy sản sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhận vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị sau:

- Bộ NN&PTNT, Tổng cục thủy sản, Cục kiểm ngư, Vụ khai thác & BVNL thủy sản, Sở NN&PTNT các tỉnh, Chi cục Thủy sản, Chi cục kiểm ngư, Chi cục Biển đảo, Phòng NN&PTNT huyện thị, UBND các phường, xã;
- Cơ sở đào tạo, nghiên cứu và quy hoạch nghề cá;
- Cơ quan khuyến nông – khuyến ngư;
- Cảng cá, cơ sở và dịch vụ hậu cần nghề cá;
- Tổ chức bảo tồn biển, bảo tồn thiên nhiên;
- Doanh nghiệp Thủy sản;
- Tổ chức, Hiệp hội trong nước và quốc tế về quản lý thủy sản, tài nguyên môi trường biển.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo:

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I. Kiến thức giáo dục đại cương	59	39,3	47	80	12	20
Khoa học xã hội và nhân văn	20	33,9	14	70,0	6	30
Toán và khoa học tự nhiên, công nghệ và môi trường	20	33,9	14	70,0	6	30
Ngoại ngữ	8	13,6	8	100	0	0
Giáo dục thể chất và Quốc phòng an ninh	11	18,6	11	100	0	0
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91	60,7	77	84,6	14	15,4
Kiến thức cơ sở ngành	40	26,7	34	85,0	6	15,0
Kiến thức ngành	51	34,0	43	84,3	8	15,7
Cộng	150	100	124	82,7	26	17,3

IV.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và các quy định khác trong đề án tuyển sinh của Trường.

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang.

IV.4. Nội dung chương trình đào tạo

	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Mã số/HP tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	59				
I	Khoa học xã hội - nhân văn	20				
I.1	Các học phần bắt buộc	14				
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1	2			-	A, B1
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	3			1	A, B1
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2	A, B1
4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3			3	A, B1
5	Pháp luật đại cương	2			-	A
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2			-	C1
I.2	Các học phần tự chọn	6				
7	Tâm lý học đại cương	2				C1
8	Logic học đại cương	2			-	B1
9	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2				C1
10	Nhập môn quản trị học	2				
11	Nhập môn hành chính nhà nước	2				A
12	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			-	C4
13	Kinh tế học đại cương	2				
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			-	B1
II	Toán, Khoa học tự nhiên và môi trường	20				
II.1	Các học phần bắt buộc -	14				
15	Đại số tuyến tính	2	30		-	B1
16	Giải tích	3			15	B1
17	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30		16	B1
18	Tin học cơ sở	2	20		17	B1, C3
19	TH Tin học cơ sở	1		15	18	B1, C3
20	Sinh học đại cương	2			-	B1, B2
21	TH Sinh học đại cương	1			20	B1
II.2	Các học phần tự chọn	6			-	
22	Biến đổi khí hậu	2			-	C4
23	Con người và môi trường	2			0	B4.2, C4
24	Hóa học đại cương	3			0	B1
25	TH Hóa học ĐC	1			24	B1
26	Vật lý đại cương	3			-	B1
27	TH Vật lý ĐC	1			26	B1
III	NGOẠI NGỮ	8				
28	Ngoại ngữ 1	4			-	C2
29	Ngoại ngữ 2	4			28	C2
IV	GD THỂ CHẤT VÀ QUỐC PHÒNG AN NINH	11				
	Các học phần bắt buộc	11				
30	Giáo dục thể chất 1: điền kinh	1			-	A
31	Giáo dục thể chất 2: bơi lội	1			-	A, C4
32	Đường lối quân sự của ĐCS Việt Nam	3				A
33	Công tác quốc phòng - an ninh	2				A

34	Quản sự chung và kỹ chiến thuật	3					A
35	Giáo dục thể chất 3 (Chọn 1 trong các HP: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, võ thuật)	1				-	A
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91					
I	Kiến thức cơ sở	40					
I.1	Các học phần bắt buộc	34					
36	Sinh thái học cá biển	2			26		B1, B2
37	Tàu thuyền nghề cá	3			22		B2
38	Đánh giá trữ lượng đàn cá khai thác	2	15	15	36		B2, C4
39	Ngư trường - Nguồn lợi thủy sản	3	35	10	38		B1
40	Công nghệ chế tạo ngư cụ	3	30	15	23		B3, B4.1, C1
41	Pháp luật hàng hải và nghề cá	4			5,39		B3, B4.3, C4
42	Nuôi trồng thủy sản	3			36,39		B2, B4.2, C4
43	Khai thác thủy sản	4			40		A, B3, C4
44	Chế biến thủy sản	3			43		B4.1,
45	Phương pháp NCKH trong quản lý TS	2			44		B4.2, C4
46	Nghề cá nội địa	2			43		B2, C3
47	Kinh tế và quản lý nghề cá	3			13,36		B4.2, C1
I.2	Các học phần tự chọn	6					
48	Khí tượng - Hải dương	2			-		B3, B4.3, C4
49	Địa lý kinh tế nghề cá	2			39		B4.2, C1, C3
50	Hàng hải cơ bản cho nghề cá	2			22		B3, B4.3, C4
51	Máy điện hàng hải	2			25		A, C4
52	Hải dương học nghề cá	2			27		B2, C4
II	Kiến thức chuyên ngành	51					
II.1	Các học phần bắt buộc	33					
53	Đăng kiểm và quản lý tàu cá	3			37,43		B3, C4
54	Quản lý khai thác thủy sản	3			41,43		B4.2, C4
55	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý TS	4			55		B4.2, C.1, C4
56	Thanh tra thủy sản và nghiệp vụ kiểm ngư	3			54		B4.2, C4
57	Theo dõi - Kiểm tra - Giám sát nghề cá (MCS)	2			53,56		B4.3
58	Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm thủy sản	3			44,56		B4.2, C1, C4
59	Quản lý hậu cần nghề cá	3			58		B4.2, C1, C4
60	Nghề cá bền vững	3			55		B1, C3
61	Qui hoạch và chính sách nghề cá	3			60		B4.2, B4.3, C4
62	Thực tập chuyên ngành công nghệ (5 tuần)	3			46		B4.2, C2, C4
63	Thực tập chuyên ngành quản lý (5 tuần)	3			60		A, B2, C1, C4
II.2	Các học phần tự chọn	8					
64	Khuyến ngư	2			45		A, B2, C1, C4
65	Ứng phó biến đổi khí hậu trong quản lý TS	2			60		B3, C4
66	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	2			10,58		C1
67	Bảo quản sản phẩm trên tàu	2			44		B4.3, C4
68	Quản lý môi trường nuôi và dịch bệnh thủy sản	2			43		B4.2
69	Truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản	2			56		B4.3, C4
II.3	Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế	10					

71	Đồ án tốt nghiệp (12 tuần)	10			63	ABC
	Học phần thay thế	10				A,B,C
	Các học phần bắt buộc:					
72	Chuyên đề TN (8 tuần)	5			63	A, B, C
	Các học phần tự chọn	5				
73	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	3			63	B4.3,C4
74	Quản lý chất lượng và an toàn VSTP thủy sản	3			63	B4.1,B4.3,C4
75	Quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng	2			63	B4.3, C4
76	Quản lý khu Bảo tồn và đa dạng sinh học	2			63	B4.2
	TỔNG CỘNG	150				

TỔ CẤP NHẬT

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

Blank
Nguyễn Trọng Châu

[Signature]
Trần Đức Phú

PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
Trần Đoàn Hùng



[Signature]
Trương Sĩ Trung